

Số: 357/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 22 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 348/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Sử Duy H**, sinh năm 1997. Địa chỉ: **Số C đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.**

2. Chị **Đoàn Thị Phương T**, sinh năm 1997. Địa chỉ: **Số A kiệt A đường Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh **Sử Duy H** và chị **Đoàn Thị Phương T** đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H** vào ngày 19/10/2017 trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh **H** và chị **T** là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên cuộc sống vợ chồng ngày một căng thẳng mà không có hướng khắc phục. Anh

Sử Duy H, chị Đoàn Thị Phương T xác định tình cảm không còn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh H và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh H và chị T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh H và chị T.

[2] Về con chung: Anh Sử Duy H và chị Đoàn Thị Phương T xác nhận có 01 con chung tên là Sử Quý N, sinh ngày 04/10/2017. Hiện cháu Sử Quý N đang ở với chị Đoàn Thị Phương T. Anh Sử Duy H và chị Đoàn Thị Phương T thỏa thuận giao cháu Sử Quý N cho chị Đoàn Thị Phương T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Sự thỏa thuận về nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh Sử Duy H và chị Đoàn Thị Phương T trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Sử Duy H và chị Đoàn Thị Phương T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Sử Duy H và chị Đoàn Thị Phương T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Sử Quý N, sinh ngày 04/10/2017 cho chị Đoàn Thị Phương T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Sử Duy H không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh Sử Duy H và chị Đoàn Thị

Phương T xác nhận không có, không có ai yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh **Sử Duy H** và chị **Đoàn Thị Phương T** mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí mà anh **Sử Duy H** và chị **Đoàn Thị Phương T** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003489 ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- CC THADS thành phố Huế;
- UBND phường P
(Nay là phường T), thành phố Huế
(ĐKKH: Số 50/2017, ngày 19/10/2017);
- Người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Phương Dung